

LILAMA - JSC 586 - PVFC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG**

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2008

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG VÀNG
(đã bổ sung và sửa đổi)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa 10 kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/06/1999.
- Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ I ngày 10 tháng 11 năm 2004 của Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng.
- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa 11 kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ II ngày 20 tháng 02 năm 2006 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (phiên họp lần 2) ngày 21 tháng 02 năm 2006 của Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng.
- Căn cứ Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng ngày 01 tháng 06 năm 2007.
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty CPTĐ Sông vàng , ngày 23 tháng 07 năm 2007.

Chúng tôi, những Cổ đông sáng lập Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng cam kết cùng thực hiện theo điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng đã bổ sung và sửa đổi , gồm những điều khoản sau đây:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Công ty:

- Tên Công ty: Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng
- Tên giao dịch quốc tế: Sông Vàng Hydro Power Joint Stock Company
- Tên viết tắt : SVC.

Điều 2. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: 298-Đường 2/9-Quận Hải châu -Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0511 3643865 , Fax: 0511 3643866
- Trụ sở Công ty có thể dời đi nơi khác, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Công ty có thể thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài để thực hiện mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật cho phép.

Điều 3. Tư cách pháp nhân:

1. Công ty cổ phần thủy điện Sông Vàng (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập trên cơ sở nguyên cùng góp vốn của các Cổ đông. Tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.

2. Công ty thuộc sở hữu của các Cổ đông.

- Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản tại ngân hàng.
- Có Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Cổ phần.
- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

- Công ty có quyền tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

Điều 4. Mục tiêu của Công ty:

1. Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành Nhà máy thủy điện An Điền 2.
2. Không ngừng phát triển các loại hình kinh doanh, phát huy mọi năng lực để đạt được lợi nhuận cao nhất. Trong đó chủ yếu là sản xuất và kinh doanh điện năng.
3. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty.
4. Đảm bảo lợi ích của các Cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh, phạm vi hoạt động:

1. Công ty sản xuất kinh doanh theo các ngành nghề sau đây:
 - a) Đầu tư xây dựng các nhà máy điện;
 - b) Xây dựng các công trình: giao thông, thủy lợi, thủy điện, điện, công nghiệp, dân dụng;
 - c) Sản xuất và kinh doanh điện năng;
 - d) Tư vấn xây dựng điện, xây lắp điện;
 - e) Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị điện;
 - f) Khi cần thiết, Đại hội cổ đông sẽ quyết định việc chuyển đổi hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật;
2. Công ty được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật và trong khuôn khổ của Công ty
 - a) Công ty có thể liên doanh, liên doanh liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - b) Công ty có thể mở rộng, thu hẹp hoặc thay đổi phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 6: Thời gian hoạt động:

Thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

Công ty có thể giải thể trước thời hạn do quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Công ty:

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ trên cơ sở tuân theo pháp luật hiện hành và điều lệ của Công ty.
2. Các Cổ đông cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu mọi rủi ro tương ứng với phần vốn góp của mình.
3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để lãnh đạo và quản lý Công ty, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
5. Giám đốc là người điều hành cao nhất hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Hội đồng quản trị về thực hiện các quyết định và nhiệm vụ được giao.
6. Doanh nghiệp Nhà nước có vốn góp đầu tư tại Công ty và người đại diện phần vốn góp của

Nhà nước tại Công ty thực hiện quyền nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Tổ chức Đảng và tổ chức Đoàn thể xã hội:

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam tại Công ty hoạt động theo hiến pháp và pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và quy định của Đảng cộng Sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thể chính trị-xã hội khác tại Công ty hoạt động theo hiến pháp và Pháp luật.

3. Công ty tạo mọi điều kiện cho tổ chức Đảng và tổ chức chính trị-xã hội khác hoạt động theo đúng Pháp luật.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ TỨC

Điều 9. Vốn điều lệ :

1. Vốn điều lệ của Công ty khi thành lập là: 112.000.000.000 VNĐ

(Viết bằng chữ : Một trăm mười hai tỉ đồng Việt Nam)

2. Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.200.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VNĐ

3. Vốn điều lệ của Công ty do cổ đông sáng lập đóng góp, danh sách cụ thể như

sau:

STT	Tên cổ đông sáng lập và người đại diện	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ góp vốn điều lệ %	Thành tiền (triệu đồng)
1	- Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Người trực tiếp quản lý vốn góp : Bà : Nguyễn Thị Kim Thoa Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	124, Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	4.816.000	43%	48.160
2	- Công ty XDCTGT 586 - Người trực tiếp quản lý vốn góp: Ngô Tấn Tiến- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty CPXDCT 586.	Số 2 , Nguyễn Thiện Thuật- Quận Bình Thạnh-Thành phố Hồ chí Minh.	3.248.000	29%	32.480
3	- Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC) - Người trực tiếp quản lý vốn góp: Ông: Phạm Ngọc Láng Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc PVFC kiêm Giám đốc PVFC chi nhánh Đà Nẵng	72 Nguyễn Văn Linh , Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	3.1360.000	28%	31.360

4. Việc tăng, giảm vốn Điều lệ hoặc phát hành cổ phiếu, trái phiếu mới của Công ty do Đại hội cổ đông quyết định và theo quy định của Pháp luật.

5. Quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà

nước.

Điều 10. Cổ phần:

1. Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần
2. Công ty chỉ có một loại Cổ phần là Cổ phần phổ thông. Mỗi Cổ phần đều tạo cho sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
3. Vốn Cổ phần có thể đóng góp bằng tiền Việt nam, ngoại tệ, vàng, các thiết bị và các tài sản khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - a) Vàng, ngoại tệ phải được quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỉ giá mua của Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm các cổ đông mua cổ phần.
 - b) Phần góp vốn bằng hiện vật được Hội đồng định giá của Công ty xác định và Hội đồng quản trị chấp thuận mới được đưa vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

Điều 11. Cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập:

1. Trong 3 năm đầu kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số Cổ phần phổ thông được quyền chào đón; Cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng cho người không phải là Cổ đông, nếu được chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng Cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các Cổ phần đó.

2. Sau thời hạn 3 năm quy định tại khoản 1 điều này, các hạn chế đối với Cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.

Điều 12. Cổ phiếu:

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, xác nhận quyền sở hữu Cổ phần của Cổ đông. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 85 của Luật Doanh nghiệp năm 2005.

2. Công ty phát hành 02 loại Cổ phiếu:

*** Cổ phiếu ghi danh:**

- Cổ phiếu ghi danh ghi rõ họ tên, địa chỉ của Cổ đông sở hữu số Cổ phần.
- Các đối tượng bắt buộc nắm giữ Cổ phiếu ghi danh gồm: Cổ đông nhà nước, Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, Cổ đông là Cán bộ Công nhân viên trong Công ty.
- Ngoài những đối tượng trên, các cổ đông khác cũng có thể nắm giữ Cổ phiếu ghi danh nhưng phải được Hội đồng quản trị của Công ty chấp thuận.

*** Cổ phiếu không ghi danh :**

- Là loại Cổ phiếu không ghi rõ họ tên và địa chỉ của Cổ đông sở hữu loại Cổ phiếu này.
- Cổ phiếu không ghi danh được phát hành cho các Cổ đông ngoài các đối tượng được quy định sử dụng Cổ phiếu ghi danh.
- Trường hợp Cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng, cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải thông báo cho Công ty biết bằng văn bản trong thời hạn không quá ba ngày.

Điều 13. Cổ đông, Sổ cổ đông :

1. Cổ đông là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty được ghi vào sổ cổ đông của Công ty.
2. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Sổ đăng ký cổ đông phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại điều 86 của Luật doanh nghiệp năm 2005.

Điều 14. Quyền lợi của cổ đông

1. Cổ đông có quyền:

- a) Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo số Cổ phần mình sở hữu;
- b) Được nhận Cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán tương ứng với tỉ lệ Cổ phần mà mình nắm giữ trong Công ty;

d) Yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến quyền lợi của Cổ đông;

e) Khi Công ty cổ phần giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ.

f) Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu 20% số Cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông:

1. Thanh toán đủ số Cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số Vốn đã góp vào Công ty.

2. Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật công nghệ về các hoạt động của Công ty.

5. Phát hiện những vi phạm Pháp luật, chính sách, chế độ nhà nước của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc... và chịu trách nhiệm về sự phát hiện của mình trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần:

1. Cổ đông có quyền mua bán, chuyển nhượng Cổ phần của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và những quy định của Điều lệ này.

2. Cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng trong suốt thời gian tại chức và trong thời gian 2 năm kể từ ngày thôi làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đối với Cổ phiếu ghi danh: khi chuyển nhượng phải có Hợp đồng chuyển nhượng. Văn bản chuyển nhượng được kèm với Cổ phiếu của các Cổ đông được chuyển nhượng và những giấy tờ chứng minh khác theo thủ tục chuyển nhượng do Hội đồng quản trị Công ty quy định. Mọi văn bản liên quan đến quá trình mua bán, chuyển nhượng phải được lưu trữ tại Công ty Cổ phần và ghi vào Sổ cổ đông.

4. Nếu Cổ đông của Công ty qua đời, Công ty tôn trọng quyền thừa kế Cổ phần hợp pháp theo Luật thừa kế của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì phải cử 01 người đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức uỷ quyền có xác nhận của Công chứng Nhà nước.

5. Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp và được ghi vào Sổ cổ đông của Công ty thì Cổ đông mới được hưởng quyền, nghĩa vụ và lợi ích như tất cả các Cổ đông khác của Công ty.

Điều 17. Cổ tức :

1. Cổ tức là số tiền được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty để trả cho mỗi Cổ phần. Tỷ lệ cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến của các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức:

Trường hợp việc thanh toán Cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 66 của Luật doanh nghiệp hoặc trả Cổ tức trái với quy định tại khoản 1 điều 67 của Luật doanh nghiệp, thì tất cả Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận: trường hợp có Cổ đông không

hoàn trả được cho Công ty thì Cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Điều 19. Phát hành trái phiếu:

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

Điều 20. Tham gia thị trường chứng khoán:

1. Công ty tham gia thị trường chứng khoán khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Trước khi có đơn đề nghị cơ quan xem xét, phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định việc tham gia thị trường chứng khoán. Đại hội đồng Cổ đông sẽ thông qua các nội dung cơ bản trong đơn và các vấn đề liên quan khác.

Điều 20. Tham gia thị trường chứng khoán:

1. Công ty tham gia thị trường chứng khoán khi có đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Trước khi có đơn đề nghị cơ quan xem xét, phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để quyết định việc tham gia thị trường chứng khoán. Đại hội đồng Cổ đông sẽ thông qua các nội dung cơ bản trong đơn và các vấn đề liên quan khác.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông:

Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, các Phó giám đốc và bộ máy giúp việc.

Mục 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông :

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại: quyết định mức chi Cổ tức hàng năm.

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

c) Xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông của Công ty.

d) Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.

e) Quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm Cổ phần mới trong phạm vi số lượng Cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty.

f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

g) Thông qua định hướng phát triển Công ty, quyết định bán số tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty.

h) Quyết định mua lại 10% tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại.

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 23. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm 01 lần.
2. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo:
 - a) Quyết định của Hội đồng quản trị.
 - b) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% số Cổ phần trong thời hạn liên tục 06 tháng.
 - c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại điều 86 của Luật doanh nghiệp; Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; phát hiện những dấu hiệu vi phạm trong công tác quản lý tài chính của Công ty cổ phần.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của những người có thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này.
 - a) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 20% tổng số Cổ phần trở lên có quyền thay thế Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.
4. Người triệu tập phải lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 24. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất mười ngày trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên địa chỉ thường trú đối với cá nhân; tên trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc sửa đổi bổ sung những thông tin cần thiết của mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
2. Cổ đông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại Cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn, hoặc không đủ không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 26. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả Cổ đông có

quyền dự họp chậm nhất bảy ngày trước ngày khai mạc.

2. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 28. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số Cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc.

3. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số Cổ đông có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 điều này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp.

5. Thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông, hình thức biểu quyết do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 29. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

a) Được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp nhận.

b) Đối với các quyết định về loại Cổ phần, số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty: tổ chức lại, giải thể Công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu chấp thuận.

4. Cổ đông vắng mặt có thể ủy quyền cử người đại diện bằng văn bản. Văn bản phải được gửi cho Hội đồng quản trị trước cuộc họp ít nhất 03 ngày, và phải có chữ ký của người ủy quyền và người được ủy quyền.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 30. Biên bản Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung sau đây:

a) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Chương trình làm việc.

c) Chủ tọa và thư ký.

d) Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.

- d) Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.
- e) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu trắng và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
- f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
- g) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 31. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày từ ngày quyết định được thông qua, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Mục 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Hội đồng quản trị:

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
 - b) Kiến nghị các loại Cổ phần và tổng số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định phương án đầu tư;
 - e) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
 - f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý này;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua Cổ phần của Doanh nghiệp khác;
 - h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - i) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - j) Quyết định chào giá bán Cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
 - k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - l) Quyết định mua lại không quá 10% số Cổ phần đã bán của từng loại;
 - m) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - n) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - o) Hội Đồng Quản trị, giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong Công ty theo các chủ trương, nghị quyết của HĐQT.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo tỷ lệ vốn góp.

4. Số thành viên của Hội đồng quản trị là ba (03) người, nhiệm kỳ đầu tiên cơ cấu như sau:

- a) Công ty Cổ phần XDCTGT 586 cử một (01) thành viên.
- b) Tổng công ty lắp máy Việt Nam cử một (01) thành viên.
- c) Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí cử một (01) thành viên.

5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Là người sở hữu hoặc đại diện hợp pháp của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông.
- b) Có trình độ đại học, năng lực quản lý và kinh doanh;
- c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp

hành pháp luật;

- d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy

định của pháp luật.

Điều 33. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung họp, các tài liệu phục vụ họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác.
- d) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
- f) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị:

- a) Mỗi quý phải họp ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường;
- b) Theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc những người khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên tham dự.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Thủ tục triệu tập và tổ chức cuộc họp của Hội đồng quản trị do Điều lệ hoặc quy chế quản lý nội bộ của Công ty quy định.

4. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 35. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

a) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b) Từ chức.

c) Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Mục 3. GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 37. Giám đốc Công ty:

1. Giám đốc do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp và những quy định pháp luật khác có liên quan. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật Công ty, là người điều hành cao nhất hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh lãnh đạo Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, các chức.

f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.

g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty:

Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty.

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

3. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

a) Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết;

b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;

c) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và b khoản này;

d) Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;

1. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định

Điều 39. Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận :

Điều 39. Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận :

1. Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu từ 20% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau đây:

- a) Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản đã được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
- b) Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường.

Mục 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Ban kiểm soát :

1. Ban kiểm soát có từ một đến ba thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban; Trưởng ban kiểm soát phải là Cổ đông. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

2. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính
- b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông đại diện cho 49% tổng số Cổ phần trong Công ty.
- c) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- d) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- f) Việc kiểm tra quy định tại các khoản a và b tại điều này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 41. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát:

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 42. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, của Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty đó.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm.
2. Thù lao của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.
4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai lầm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 44. Yêu cầu về kiểm toán:

Khi pháp luật yêu cầu được kiểm toán, thì báo cáo tài chính hàng năm phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Điều 45. Công khai thông tin về Công ty:

1. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan chức năng có liên quan.
2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.
3. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

Điều 46. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty:

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
 - a) Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;
 - b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
 - c) Các tài liệu và giấy tờ các nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Các quyết định đã được thông qua;
 - e) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán
 - f) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán và báo cáo tài chính hàng năm;
 - h) Các tài liệu theo quy định của Pháp luật.
2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Chế độ báo cáo tài chính và kiểm toán:

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào cuối ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31/12 năm đó.
2. Công ty chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo Luật kế toán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các Văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán, thống kê và quy định của Công ty.
3. Công ty thực hiện công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.
4. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực, chi tiết tài sản có, tài sản nợ, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của Công ty hàng tháng.
5. Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng quản trị xem xét, thông qua báo cáo tài chính (đã được kiểm toán độc lập xác nhận) để báo cáo Đại hội đồng cổ đông.
6. Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ tài liệu kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành

và được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 48. Trả cổ tức và trích lập quỹ:

1. Hàng năm Công ty trả cổ tức một lần vào cuối năm., Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
2. Công ty không trả lãi cho bất kỳ một khoản cổ tức nào nếu khoản cổ tức đó vẫn còn tại quỹ của Công ty vì lý do nào đó mà cổ đông chưa nhận. Tất cả cổ tức của các Cổ đông nếu không được các Cổ đông nhận sau một năm kể từ ngày thông báo chi trả, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng.
3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán từng phần hoặc toàn bộ cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như thanh toán bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành.v.v.) nếu được các Cổ đông có cổ tức chấp nhận.
4. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định người sở hữu Cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các Cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt.
5. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người được nhận cổ tức từ Công ty.
6. Việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và thông qua Đại hội đồng cổ đông.
7. Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ Công ty, ngay sau khi trả hết số Cổ tức đã định, Công ty phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 49. Cách bù lỗ:

1. Trong trường hợp Công ty bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể giải quyết theo 02 phương án:
 - Sử dụng số dư các quỹ của năm trước
 - Chuyển một phần lỗ sang năm sau
2. Đại hội đồng cổ đông phải quyết định biện pháp khắc phục có hiệu quả trong khuôn khổ Pháp luật.

Điều 50. Lương và phụ cấp đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Lương và các khoản phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành về chế độ tiền lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chương V

CHẾ ĐỘ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 51. Đảm bảo chính sách với người lao động:

Cán bộ công nhân viên tại Công ty làm việc theo chế độ Hợp đồng lao động và được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, nghĩa vụ, chế độ, chính sách theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành.

1. Khi Công ty sắp xếp lại Lao động dư thừa hoặc vì các lý do khác: không đủ sức khỏe, vi phạm nội quy... thì giải quyết thôi việc theo chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước.

2. Mọi chế độ như BHXH, BHYT... của người lao động sẽ được Công ty thực hiện theo chế độ Nhà nước hiện hành.

Điều 52. Chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp:

Người lao động được nhận tiền lương, thưởng, phụ cấp và các khoản thu nhập khác theo quy chế

do Hội đồng quản trị Công ty ban hành. Mức tiền lương được nhận không thấp hơn mức lương tối thiểu do Pháp luật quy định.

Điều 53. Trách nhiệm của người lao động:

Người lao động trong Công ty phải chấp hành đầy đủ nội quy, kỷ luật lao động. Tuân thủ quy chế của Công ty, Pháp luật của Nhà nước và những quy định trong bản Điều lệ này.

Chương VI TỔ TỤNG VÀ TRANH CHẤP

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ:

1. Khi có tranh chấp hay khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty như: tranh chấp giữa một Cổ đông, các Cổ đông với Công ty; tranh chấp giữa một Cổ đông, các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ chủ chốt... về các quyền của Cổ đông hoặc bất cứ quyền, nghĩa vụ nào khác do Điều lệ hoặc Luật doanh nghiệp, các luật khác quy định... các bên liên quan tìm mọi biện pháp giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không thương lượng được các bên có quyền yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết.

2. Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí Tòa án sẽ do Tòa án quyết định bên nào phải chịu.

Điều 55:

Giám đốc Công ty là người đại diện cho Công ty trước pháp luật. Công ty có quyền bình đẳng với mọi pháp nhân và thể nhân trong tố tụng, tranh chấp.

Điều 56 :

Mọi khiếu kiện, tranh chấp về các Hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các thể nhân, pháp nhân, đơn vị kinh doanh khác được giải quyết tại Cơ quan Trọng tài kinh tế hoặc tại Tòa án kinh tế các cấp có thẩm quyền.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 57. Khen thưởng:

Tập thể, cá nhân trong Công ty có thành tích xuất sắc trong kinh doanh, có đóng góp lớn vào sự phát triển của Công ty thì được khen thưởng theo quy chế của Công ty và các chế độ hiện hành của Nhà nước.

Điều 58. Kỷ luật:

1. Cán bộ công nhân viên Công ty vi phạm nội quy, quy chế, Điều lệ của Công ty thì căn cứ vào mức độ vi phạm gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ bị xử lý theo nội quy kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trường hợp vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý, truy tố theo quy định của Pháp luật.

Chương VIII GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 59. Giải thể:

Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
2. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Không đủ số lượng thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 60. Phá sản:

Việc phá sản Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Chương I X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Đăng ký Điều lệ Công ty:

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản chính, có giá trị Pháp lý như nhau.
 - 01 bản lưu tại Công chứng nhà nước.
 - 05 bản gửi các cơ quan có thẩm quyền.
 - 04 bản lưu hồ sơ tại trụ sở Công ty.
 - Các trích sao và toàn sao của Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 62. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này gồm 09 Chương, 62 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2004.
2. Trong quá trình điều hành kinh doanh, Điều lệ này được cụ thể hóa bằng các văn bản của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.
3. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới được thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty./.

CHỮ KÝ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

TỔNG CÔNG TY
LẮP MÁY VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN
XDCTGT 586

CÔNG TY
TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

PHỤ LỤC

V/v sửa đổi và bổ sung Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần thủy điện Sông Vàng

Chương, điều của điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ cũ	Nội dung Điều lệ mới
Điều 7, điểm 5	“ Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty “	Bỏ phần “ Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty “
Điều 9, điểm 2	Vốn điều lệ của Công ty chia thành 1.120.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là : 100.000 đồng.	Vốn điều lệ của Công ty chia thành 11.200.000 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là : 10.000 đồng.
Điều 9, điểm 3	-Tên cổ đông sáng lập và người đại diện : +Ông:Lại Anh Dũng - Phó Tổng giám đốc CIENCO5 kiêm Giám đốc Cty XDCT 506. -Địa chỉ : 77, Nguyễn Du, Thành phố Đà Nẵng. -Số cổ phần : 571.200 -Tỷ lệ góp vốn điều lệ : 51% -Thành tiền : 57.120 triệu đồng. -Tên cổ đông sáng lập và người đại diện : -Bà : Nguyễn Thị Kim Thoa - Phó Tổng giám đốc LILAMA. -Địa chỉ : 124, Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. -Số cổ phần : 324.800 -Tỷ lệ góp vốn điều lệ : 29% -Thành tiền : 32.480 triệu đồng. -Tên cổ đông sáng lập và người đại diện : -Ông : Nguyễn Xuân Sơn - Giám đốc Công ty Tài chính Dầu khí. -Địa chỉ : 72F, Trần Hưng Đạo, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. -Số cổ phần : 224.000 -Tỷ lệ góp vốn điều lệ : 20% -Thành tiền : 22.400 triệu đồng.	-Tên cổ đông sáng lập và người đại diện : +Bà : Nguyễn Thị Kim Thoa - Phó Tổng giám đốc LILAMA. -Địa chỉ : 124, Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. -Số cổ phần : 4.816.000 -Tỷ lệ góp vốn điều lệ : 43% -Thành tiền : 48.160 triệu đồng. -Tên cổ đông sáng lập và người đại diện : -Ông: Ngô Tấn Tiến - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần XDCTGT 586. -Địa chỉ : Số :2, Nguyễn Thiện Thuật, Quận Bình Thạnh, TP HCM. -Số cổ phần : 3.248.000 -Tỷ lệ góp vốn điều lệ : 29% -Thành tiền : 32.480 triệu đồng. -Tên cổ đông sáng lập và người đại diện : -Ông :Phạm Ngọc Láng - Phó Tổng giám đốc PVFC, kiêm Giám đốc PVFC chi nhánh Đà Nẵng. -Địa chỉ : Số :72- Nguyễn Văn Linh, Quận Hải châu, TP Đà Nẵng -Số cổ phần : 3.160.000 -Tỷ lệ góp vốn điều lệ : 28% -Thành tiền : 31.600 triệu đồng.
Điều 12	Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 59 của Luật Doanh nghiệp năm 1999.	Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 85 của Luật Doanh nghiệp năm 2005.
Điều 13	Sổ đăng ký cổ đông phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại điều 60 của Luật doanh nghiệp năm 1999.	Sổ đăng ký cổ đông phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại điều 86 của Luật doanh nghiệp 2005.
Điều 28	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được

Điều 28	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 80% số Cổ phần có quyền biểu quyết. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số Cổ đông có quyền biểu quyết.	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự đại diện ít nhất 65% số Cổ phần có quyền biểu quyết. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số Cổ đông có quyền biểu quyết.
Điều 29	Đối với các quyết định về loại Cổ phần, số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 71% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 71% tổng số phiếu chấp thuận.	Đối với các quyết định về loại phần, số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại: sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu chấp thuận.
Điều 32, điểm 2		Bổ sung thêm mục : Hội đồng quản trị, giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty thực hiện các chủ trương nghị quyết của HĐQT.
Điều 33, Điểm 1	“ Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty “	Bổ phần “ Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty “
Điều 37, điểm 1		Bổ sung “ Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty ”
Điều 39, Đ1.a	- Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản đã được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;	- Đối với các hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản đã được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;
Điều 39, Đ1.b	- Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty	- Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn từ 20% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán

	thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.	thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.
Điều 48		Bổ sung: Công ty chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ Công ty, ngay sau khi trả hết số Cổ tức đã định, Công ty phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
Điều 55, Ch3	“ Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật Công ty “	Thay bằng nội dung “ Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật Công ty”